

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 57/2020/DS-ST

Ngày: 27/7/2020

V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Văn Phúc.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hiền;

2. Ông Huỳnh Văn Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Nhanh – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện C.

Vào ngày 27 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 169/2020/TLST- DS ngày 27 tháng 5 năm 2020 về việc: “Tranh chấp hợp đồng góp hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2020/QĐXX-ST ngày 27 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1969. Địa chỉ: ấp 4, xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang, (có mặt).

- *Bị đơn:* 1. Bà Nguyễn Thị U, sinh năm 1957, (có mặt)

2. Ông Phan Văn H, sinh năm 1960. Cùng địa chỉ: ấp 4, xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang, (vắng mặt).

- *Người đại diện theo ủy quyền của ông H:* Phạm Văn G, sinh năm 1995. Địa chỉ: ấp 4, xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang, (có mặt)

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Phạm Văn G, sinh năm 1995;

2. Phạm Văn S, sinh năm 1991;

Cùng địa chỉ: ấp 4, xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai ghi ngày 25/5/2020, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Nguyễn Văn T trình bày:

Ông có tham gia 03 dây hụi do bà U làm chủ thảo như sau:

- Dây hụi thứ nhất: 5.000.000 đồng khui ngày 11/7/2018 (âm lịch), dây hụi này đã mẫn tôi hốt hụi được 105.000.000 đồng, trừ hoa hồng cho chủ thảo 2.000.000 đồng còn 103.000.000 đồng, bà U chưa giao tiền hụi.

- Dây hụi thứ hai: 1.000.000 đồng khui ngày 01/4/2019 (âm lịch), dây hụi này tôi góp được 12 lần hụi sống thành tiền là 9.600.000 đồng thì bà U tuyên bố bễ hụi nên ngưng cho đến nay.

- Dây hụi thứ ba: 2.000.000 đồng khui ngày 01/4/2019 (âm lịch), dây hụi này tôi góp được 12 lần hụi sống thành tiền là 19.200.000 đồng thì bà U tuyên bố bễ hụi nên ngưng cho đến nay.

Tổng cộng 03 dây hụi, bà U còn nợ lại số tiền 131.800.000 đồng. Nay yêu cầu bà U và ông H phải trả cho ông số tiền 131.800.000 đồng vì bà U và ông H là vợ chồng, quá trình chơi hụi có góp tiền hụi cho ông H. Ngoài ra sau khi bà U tuyên bố bễ hụi các hụi viên có gửi đơn thưa bà U đến UBND xã C thì được gia đình bà U viết giấy cam kết sẽ bán tài sản để trả nợ cho các hụi viên trong thời hạn 02 tháng từ ngày 5/7/2020 (có tờ cam kết kèm theo).

** Theo bản tự khai ngày 04/6/2020, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn Nguyễn Thị U trình bày:*

Bà có làm chủ thảo 03 dây hụi và còn nợ số tiền 131.800.000 đồng như ông T trình bày. Nay bà đồng ý cùng chồng là ông H trả số tiền còn nợ cho ông T nhưng xin trả dần mỗi 02 tháng là 10.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

** Bị đơn anh Phạm Văn H ủy quyền cho anh Phạm Văn G trình bày:*

Thống nhất với lời trình bày của bà U.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh G trình bày:*

Thống nhất với lời trình bày của bà U.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở lời trình bày của các đương sự và các tài liệu chứng cứ được đưa ra xem xét tại phiên Tòa, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Phạm Văn S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Xét thấy ông T khởi kiện yêu cầu bà U, ông H trả lại tiền góp hụi nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp “Hợp đồng góp hụi” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu các bên đương sự: Tại phiên tòa các đương sự giữ nguyên yêu cầu khởi kiện Hội đồng xét xử nhận định:

[4] Xét thấy việc tham gia góp hụi giữa anh T với bà U có lập thành văn bản, được hai bên thừa nhận, thể hiện ý chí của hai bên là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp quy định pháp luật nên được công nhận.

Do bà U, ông H vi phạm nghĩa vụ theo thỏa thuận nên ông T yêu cầu trả lại số tiền đã góp hụi là 131.800.000 đồng là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 471 của Bộ luật dân sự nên và Nghị định số 19/2019/NĐ-CP về việc hụi, biếu, phường nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Xét ý kiến của bà U và người đại diện của ông H xin trả dần số tiền còn thiếu nhưng không được ông T đồng ý nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận.

[6] Xét ông T chỉ yêu cầu bà U và ông H trả nợ cho ông theo tờ cam kết tại UBND xã C nên xác định anh Phạm Văn G và anh Phạm Văn S chỉ là người làm chứng trong vụ kiện này.

[7] Về án phí: bà U, ông H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, Khoản 1, 2 Điều 227, Điều 228, 229 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP quy định về việc hụi, biếu, phường; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn T.

1. Buộc bà Nguyễn Thị U ông Phạm Văn H có nghĩa vụ trả cho anh Nguyễn Văn T số tiền 131.800.000 đồng ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày ông T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà U và ông H chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và khoảng thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí: Ông H phải chịu 3.295.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bà U phải chịu 3.295.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng do bà U là người cao tuổi theo quy định tại Điều 2 Luật Người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí, nên Hội đồng xét xử miễn án phí cho bà U theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Hoàn lại cho ông Nguyễn Văn T 3.475.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0005403 ngày 27/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Hà Văn Phúc